



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.2)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Đo lường Hóa lý, Nhiệt và Thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6)
Laboratory:	Physicochemistry, Temperature and Medical Equipment Metrology Laboratory (Technical Division 6)
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2
Organization:	Quality Assurance and Testing Center 2
Số hiệu/ Code:	VILAS 024
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Thử nghiệm Cơ
Field:	Mechanical testing
Người quản lý/ Laboratory manager:	Võ Khánh Hà
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	từ ngày / 06/2025 đến ngày 13/04/2026
Địa chỉ:	97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address:	No. 97 Ly Thai To, Thanh Khe District, Da Nang City
Địa điểm:	02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Location:	No. 02 Ngo Quyen, Son Tra District, Da Nang City
Điện thoại/ Tel:	0236.3831824
Email:	K6@quatest2.gov.vn
Website:	www.quatest2.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.1)

VILAS 024

Phòng Đo lường Hóa lý, Nhiệt và Thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6)

Physicochemistry, Temperature and Medical Equipment Metrology Laboratory (Technical Division 6)

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Tủ an toàn sinh học cấp I, II (x) <i>Class I, II Biological Safety Cabinet</i>	Thử nghiệm độ rò rỉ màng lọc HEPA/ ULPA <i>HEPA/ ULPA filter leak test</i>	Độ rò rỉ/ Penetration (0 ~ 100) % Cỡ hạt/ Particle size (0,1 ~ 10) µm	ISO 14644-3:2019 BS EN 1822-4:2009
2.		Thử nghiệm độ ồn <i>Noise level test</i>	0,1 dB/ (25~138) dB	NSF/ ANSI 49-2019
3.		Thử nghiệm độ rọi <i>Lighting intensity test</i>	1 lux/ (1 ~ 2000) lux	
4.		Thử nghiệm hình thái dòng khí <i>Airflow smoke patterns test</i>	-	
5.		Thử vận tốc dòng khí hút vào/ thổi xuống (a) <i>Inflow/ Downflow velocity test</i>	0,01 m.s ⁻¹ / (0,1 ~ 5,0) m.s ⁻¹	NSF/ANSI 49-2019
6.		Thử cường độ ánh sáng tím (a) <i>Ultraviolet intensity test</i>	0,1 µW/cm ² / (0,1 ~ 199,9) µW/cm ²	KT2.QT.CM-110: 2023
7.	Phòng sạch (x) <i>Cleanroom</i>	Phân loại độ sạch không khí theo mật độ hạt <i>Classification of air cleanliness by particle concentration</i>	Cỡ hạt/ Particle size (0,1 ~ 10) µm	ISO 14644-1:2015
8.		Thử nghiệm độ rò rỉ màng lọc HEPA/ ULPA <i>HEPA/ ULPA filter leak test</i>	Độ rò rỉ/ Penetration (0 ~ 100) % Cỡ hạt/ Particle size (0,1 ~ 10) µm	ISO 14644-3:2019 BS EN 1822-4:2009
9.		Thử nghiệm chênh áp <i>Air pressure difference test</i>	0,001 Pa/ (-3735 ~ 3735) Pa	ISO 14644-3:2019
10.		Thử nghiệm nhiệt độ, độ ẩm <i>Temperature/ humidity test</i>	0,1 °C/ (10 ~ 50) °C 0,1%RH/ (10 ~ 95) %RH	
11.		Đo vận tốc dòng khí (a) <i>Air velocity measurement</i>	0,01 m.s ⁻¹ / (0,1 ~ 5,0) m.s ⁻¹	
12.		Đo lưu lượng dòng khí (a) <i>Air volume flow rate measurement</i>	0,001 m ³ .s ⁻¹ / (0,03 ~ 1,0) m ³ .s ⁻¹	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4.2)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4.1)***VILAS 024****Phòng Đo lường Hóa lý, Nhiệt và Thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6)*****Physicochemistry, Temperature and Medical Equipment Metrology Laboratory (Technical Division 6)***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
13.	Phòng sạch (x) <i>Cleanroom</i>	Thử hướng và hình thái dòng khí (a) <i>Airflow direction test and visualization</i>		ISO 14644-3:2019

Ghi chú/Note:

- KT2.QT.CM-110:2023: Phương pháp thử do PTN xây dựng/ *Laboratory's developed method*
- NSF/ANSI: National Sanitation Foundation/ American National Standards Institute
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- NSF/ ANSI: NSF International Standard/ American National Standard
- BS EN: British Standards European Norms
- (x): phép thử nghiệm thực hiện tại hiện trường/ *On-site test*
- (a): Phép thử mở rộng trong danh mục phép thử của quyết định số 1193/QĐ-VPCNCL ngày 10/06/2024/ *Extend tests in a list of accredited tests of accreditation decision no.1193/QĐ-VPCNCL dated 10/06/2024*

Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Quality Assurance and Testing Center 2 that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

